

Số: 133/2019/QĐST- NHGD

Hà Giang, ngày 15 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 147- BLTTDS; khoản 7 Điều 26; điểm b khoản 5 điều 27 NQ 326 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; điểm b, d mục 1.3 khoản 1 phần II Danh mục án phí lệ phí

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành được lập ngày 07 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 170/2019/TLST- NHGD ngày 01 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thành L; địa chỉ: Ngõ 182, đường L, tổ 02, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân C; địa chỉ: Đồn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế T, tỉnh Hà Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Anh Nguyễn Xuân C được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt 01 mảnh đất có chiều rộng ngang phía Tây giáp đường dân sinh (ngõ 182) 4m; phía Đông giáp đất nhà bà H rộng 4m; phía Nam giáp đất nhà ông T dài 18m; phía Bắc giáp đất nhà bà X (nhận chuyển nhượng nhà ông T) dài 18m. Tổng diện tích đất là 72m² tờ bản đồ 12; số thửa 25 loại đất ODT, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN989680 ngày 12/3/2009 mang tên ông Nguyễn Xuân C bà Nguyễn Thành L; trên đất có 01 nhà xây 3 tầng xây năm 2009, kết cấu khung dầm bê tông cốt thép, tường xây gạch chịu lực 220, nền lát gạch

men tường sơn Silicat, cửa gỗ, hệ thống điện nước hai nguồn nóng lạnh thông thường, (tầng 1 có diện tích 72,9m²; tầng 2 có diện tích 72,3m²; tầng tum có diện tích 22,7m²); địa chỉ thửa đất và nhà: tổ 02, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; 01 bộ bàn ghế ngồi uống nước bằng gỗ dổi; 01 ti vi Samsung; 01 ti vi Sony; 01 máy điều hòa nhiệt độ hiệu Daikin; 01 bộ bàn ghế gỗ ngồi ăn cơm. Tổng trị giá đất + nhà và các tài sản khác là đồ dùng sinh hoạt là: 1.468.941.000 (*Một tỉ bốn trăm sáu mươi tám triệu chín trăm bốn mươi một nghìn đồng*) (Có sơ đồ đất, nhà chi tiết kèm theo).

- Anh Nguyễn Xuân C có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch tài sản chung cho chị Nguyễn Thành L số tiền 800.000.000đ (*Tám trăm triệu đồng*), thời hạn trả tiền cụ thể: Lần 01 ngày 30/4/2020 trả số tiền 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*); lần 02 ngày 30/10/2020 trả số tiền 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày quá thời hạn thỏa thuận nêu trên mà bên phải thi hành án không thực hiện việc thanh toán và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Chị L được quyền sở hữu 01 xe máy hon da Leead BKS 23- B1-06306 trị giá 20.000.000đ;

2. Về chi phí thẩm định: Chị Nguyễn Thành L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định 2.000.000đ (đã thi hành xong).

3. Về án phí:

+ Anh Nguyễn Xuân C phải chịu án phí chia tài sản chung tương ứng với phần giá trị tài sản được hưởng 668.941.000đ (400.000.000đ = 20.000.000đ; 268.941.000 x 4% = 10.757.640); 20.000.000 + 10.757.640 = 30.757.640 : 2 = 15.378.820 (*Mười lăm triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm hai mươi đồng*).

+ Chị L phải chịu án phí chia tài sản chung tương ứng với phần giá trị tài sản được hưởng 820.000.000đ (800.000.000đ = 36.000.000đ; 20 x 3% = 600.000 đ) = 36.600.000đ : 2 = 18.300.000đ (*Mười tám triệu ba trăm nghìn đồng*). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 19.600.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H BL số 01306 ngày 01/8/2019, trả lại cho chị L số tiền 1.300.000đ án phí chênh lệch.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thanh Bình